

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TN
HỘI ĐỒNG THI TN LỚP TCLLCT-HC
HỆ TT K42

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 01 năm 2021

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA K42 TẠI TRƯỜNG

**Khối kiến thức II: Những vấn đề cơ bản về ĐCS và lịch sử ĐCS Việt Nam; Đường
lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội;
Nghiệp vụ công tác Đảng, MTTQ và đoàn thể nhân dân ở cơ sở**

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
01	Phuong Quốc Chủ	31/12/1987	01	33	6,5	Sáu rưỡi	
02	Ma Đình Duy	13/12/1982	02	10	7,5	Bảy rưỡi	
03	Dương Văn Duy	20/4/1994	03	28	7,0	Bảy	
04	Nguyễn Văn Duy	24/6/1986	04	42	7,5	Bảy rưỡi	
05	Nguyễn Minh Đạt	15/10/1991	05	18	7,0	Bảy	
06	Lường Văn Đặng	29/10/1993	06	31	7,0	Bảy	
07	Lưu Trường Giang	15/5/1986	07	19	7,5	Bảy rưỡi	
08	Nguyễn Trọng Hiếu	12/5/1989	08	40	7,0	Bảy	
09	Trần Quốc Hoàng	28/4/1989	09	27	7,0	Bảy	
10	Lăng Văn Hùng	24/11/1987	10	-	-	-	Vắng thi
11	Tô Mạnh Hùng	24/3/1993	11	35	7,0	Bảy	
12	Trịnh Thị Huyền	12/8/1988	12	15	7,5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Ngọc Kế	01/7/1986	13	07	7,5	Bảy rưỡi	
14	Dương Trung Kiên	08/9/1989	14	12	7,0	Bảy	
15	Trần Trung Kiên	09/10/1993	15	23	7,5	Bảy rưỡi	
16	Phí Thùy Linh	20/7/1995	16	21	7,5	Bảy rưỡi	
17	Ma Thị Loan	08/11/1994	17	11	8,0	Tám	
18	Nguyễn Đình Luân	26/12/1990	18	02	7,0	Bảy	
19	Vũ Xuân Luân	14/3/1994	19	05	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Lý Phương Mai	16/7/1994	20	03	7,5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
21	Đỗ Văn Mạnh	19/11/1997	21	34	7,0	Bảy	
22	Nguyễn Văn Nam	03/8/1991	22	38	7,0	Bảy	
23	Hoàng Quốc Nghị	03/10/1989	23	22	7,5	Bảy rưỡi	
24	Trần Văn Nghị	23/02/1985	24	26	7,0	Bảy	
25	Nguyễn Phạm Công Nguyên	01/01/1990	25	37	7,0	Bảy	
26	Hoàng Văn Nông	21/4/1992	26	24	8,0	Tám	
27	Ngô Thị Nụ	16/4/1986	27	13	7,5	Bảy rưỡi	
28	Hoàng Thọ Phong	17/12/1988	28	39	6,5	Sáu rưỡi	
29	Ma Quang Phú	21/01/1987	29	25	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Minh Phương	28/7/1994	30	08	7,5	Bảy rưỡi	
31	Dương Văn Tân	21/10/1991	31	36	7,0	Bảy	
32	Lương Hoàng Thái	26/6/1986	32	16	7,0	Bảy	
33	Đồng Văn Thành	08/7/1994	33	41	7,0	Bảy	
34	Hoàng Thị Hương Thảo	26/5/1993	34	32	7,5	Bảy rưỡi	
35	Trần Dương Thiệp	30/7/1988	35	20	7,0	Bảy	
36	Đặng Thị Tiềm	11/8/1985	36	04	7,5	Bảy rưỡi	
37	Dương Văn Toàn	15/5/1989	37	29	7,5	Bảy rưỡi	
38	Nghiêm Thùy Trang	18/01/1995	38	01	7,5	Bảy rưỡi	
39	Phạm Minh Trọng	04/7/1991	39	30	7,0	Bảy	
40	Ngô Ngọc Tú	14/7/1985	40	14	7,5	Bảy rưỡi	
41	Vũ Văn Tuấn	01/8/1987	41	17	7,0	Bảy	
42	Hoàng Quốc Việt	11/10/1991	42	09	7,0	Bảy	
43	Nguyễn Thị Tươi	23/6/1986	43	06	7,5	Bảy rưỡi	

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hồng Mây

CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thu Huyền